

Số: 786 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2020 và những năm tiếp theo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TT ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Hà Tĩnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 339/SNN-KHTC ngày 12/3/2019 (sau khi đã lấy ý kiến thống nhất của các sở, ngành, địa phương liên quan);

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Cơ cấu lại ngành nông nghiệp Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2020 và những năm tiếp theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND - UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Kế hoạch - Bộ NN&PTNT, Thường trực BCD TCC;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; (để b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ, các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- Chánh, các PVP/UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NL₁, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn

Hà Tĩnh, ngày tháng 3 năm 2018

**KẾ HOẠCH
CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ TĨNH
GIAI ĐOẠN 2019-2020 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 18/03/2019 của UBND tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2020 và những năm tiếp theo, với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh, cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020 và những năm tiếp theo

- Tốc độ tăng trưởng giá trị nông, lâm, thủy sản đạt trên 3%/năm; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt trên 90 triệu đồng/ha vào năm 2020 và trên 130 triệu đồng/ha vào năm 2025; cơ cấu các lĩnh vực: Nông nghiệp 75% (trong đó: Tăng Chăn nuôi lên đạt trên 55%, giảm Trồng trọt còn dưới 40%, dịch vụ 5%), thủy sản 15%, lâm nghiệp 10%.

Tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp đạt trên 4%/năm; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết, tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương lần lượt đạt trên 20% và 10% vào năm 2020, đạt trên 35% và 20% vào năm 2025.

- Đến năm 2020, thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2015, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2-3%/năm, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản giảm còn dưới 50%; đến cuối năm 2020 có 2-3 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, số xã đạt tiêu chí nông thôn mới đạt trên 70%, phấn đấu đến năm 2025 đạt tỉnh nông thôn mới.

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với môi trường; nâng cao năng lực quản lý rủi ro, chủ động phòng ngừa, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng đạt ổn định trên 52%; tỷ lệ cơ sở chăn nuôi xử lý chất thải bằng biogas hoặc các biện pháp sinh học đạt trên 80%.

II. ĐỊNH HƯỚNG CƠ CẤU LẠI

1. Cơ cấu lại theo lĩnh vực, sản phẩm

1.1. Trên cơ sở rà soát lại đề án, kế hoạch sản xuất từng lĩnh vực, sản phẩm theo lợi thế của địa phương, vùng sinh thái và tín hiệu thị trường theo 3 cấp sản phẩm:

- *Nhóm sản phẩm thuộc danh mục chủ lực-quốc gia¹* (lúa gạo, cao su, rau quả thực phẩm, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tôm, thịt lợn và gia cầm): Tiến hành rà soát quy hoạch, kế hoạch, tranh thủ nguồn lực đầu tư và các cơ chế, chính sách của Trung ương, đồng thời ưu tiên nguồn lực đầu tư và các cơ chế, chính sách của tỉnh để xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức hợp tác, liên kết theo chuỗi-giá trị và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến.

- *Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh* (Cam chanh, cam Bù, bưởi Phúc Trạch, chè công nghiệp, lạc, hươu, hải sản có giá trị kinh tế cao): Tập trung đầu tư thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, mở rộng thị trường tiêu thụ, hướng tới một số sản phẩm (như cây ăn quả, chè) bổ sung vào nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia.

- *Nhóm sản phẩm chủ lực đặc sản, có giá trị cá biệt, cấp vùng, miền, địa phương* (các sản phẩm đặc sản, cây dó trầm, nấm, dược liệu và lâm sản ngoài gỗ, các sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sử dụng giống bản địa, sản phẩm của các làng nghề truyền thống...): Định hướng xây dựng và phát triển cùng với xây dựng nông thôn mới ở huyện, xã theo Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP”, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân và cộng đồng nông thôn, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới bền vững.

Trong các lĩnh vực, sản phẩm cụ thể:

a) Trồng trọt

Tiếp tục rà soát, chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, có liên kết; khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống năng suất và chất lượng cao, áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến; giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật; tăng cường giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống sâu bệnh.

- *Lúa:* Điều chỉnh hợp lý quy mô sản xuất lúa, tổng diện tích gieo cấy giảm xuống dưới 95.000 ha (trong đó tăng lúa chất lượng, hàng hóa đạt trên 55.000 ha), sản lượng ổn định trên 46 vạn tấn/năm, giá trị sản xuất trên 4.000 tỷ đồng.

Tiếp tục chuyển mạnh cơ cấu bộ giống theo hướng sử dụng các giống mới, ngắn ngày, có năng suất và chất lượng cao; tăng tỷ lệ diện tích sử dụng giống xác nhận đạt trên 80%. Tập trung quyết liệt, tạo bước chuyển thực sự về tích tụ, tập trung ruộng đất theo cơ chế cho thuê, chuyển nhượng, góp đất, phát triển đa dạng

¹ Theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT

các loại hình liên kết với doanh nghiệp, cơ sở thu mua, chế biến theo cánh đồng lớn. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, chuyển khoảng 5.000 ha lúa kém hiệu quả ở các vùng miền núi, bãi ngang ven biển, vùng thiếu nước sang trồng các loại cây trồng cạn, cây thức ăn chăn nuôi có giá trị gia tăng cao hơn.

- *Cam (cam chanh, cam bù)*: Tiếp tục mở rộng để đến năm 2020 ổn định với quy mô ở mức phù hợp gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm, diện tích cam đạt khoảng 9.200 ha, năng suất bình quân đạt 120 tạ/ha, sản lượng 77.000 tấn, giá trị sản xuất đạt trên 2.500 tỷ đồng.

Tập trung đầu tư thâm canh số diện tích hiện có (trên 7.000 ha), ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật (quy trình sản xuất VietGAP, hệ thống tưới tiên tiến, kéo dài thời vụ, rải vụ,...) để nâng cao năng suất, đồng nhất chất lượng sản phẩm; đầu tư trồng tái canh thay thế diện tích già cỗi, sâu bệnh, bị thoái hóa có năng suất, chất lượng kém. Tiếp tục bảo tồn, nhân giống, khôi phục và phát triển sản xuất cam Bù đặc sản; bình tuyển cây đầu dòng, sản xuất giống cam chanh đạt tiêu chuẩn trên diện rộng. Khuyến khích, mở rộng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với các trang trại, gắn với xây dựng thương hiệu, bảo quản, chế biến, truy xuất nguồn gốc, mở rộng thị trường trong nước, hướng tới xuất khẩu.

- *Bưởi Phúc Trạch*: Tiếp tục mở rộng diện tích tại các xã theo vùng, khu vực đã được chứng nhận chỉ dẫn địa lý², với quy mô hợp lý, gắn với thị trường tiêu thụ; đến năm 2020 diện tích đạt khoảng 3.100 ha, năng suất bình quân đạt 130 tạ/ha, sản lượng trên 40.000 tấn, giá trị sản xuất đạt trên 1.500 tỷ đồng.

Tập trung đầu tư thâm canh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đảm bảo ổn định ra hoa, đậu quả, quy trình sản xuất VietGAP, rải vụ; chuyên giao công nghệ sản xuất bưởi ít hạt, không hạt; thực hiện có hiệu quả Dự án Bảo tồn, nhân giống, khôi phục và phát triển sản xuất cây bưởi Phúc Trạch đảm bảo nguồn giống có chất lượng cho sản xuất. Khuyến khích hình thành các THT, HTX, liên kết vùng sản xuất bưởi với các doanh nghiệp thu mua, bảo quản, chế biến, mở rộng thị trường tiêu thụ, phát huy lợi thế sản phẩm đặc sản của tỉnh.

- *Rau củ quả*: Ổn định diện tích rau củ quả thực phẩm khoảng 12.000 ha, sản lượng trên 96.000 tấn, giá trị sản xuất trên 1.260 tỷ đồng. Tập trung vào củng cố, nâng cao hiệu quả các vùng sản xuất rau truyền thống (như Tượng Sơn, Thiên Lộc, Thạch Liên, các vùng ven sông huyện Đức Thọ, Hương Sơn...), theo hướng sản xuất chuyên canh, an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP, truy xuất nguồn gốc. Đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành đi vào hoạt động Dự án Nông nghiệp công nghệ cao FLC để khai thác tiềm năng, phát triển sản xuất nông nghiệp trên vùng đất cát ven biển. Khuyến khích phát triển sản xuất rau củ quả vườn hộ, đa dạng về cơ cấu sản phẩm, linh hoạt về quy mô theo tín hiệu thị trường.

- *Lạc*: Phục hồi, duy trì ổn định diện tích gieo trồng hàng năm trên 15.000 ha; sử dụng giống thị trường ưa chuộng, áp dụng đồng bộ quy trình canh tác, phòng trừ sâu bệnh nhằm tăng năng suất bình quân đạt 28 tạ/ha, sản lượng 42.000

² Tại 22 xã theo Quyết định số 2180/QĐ-SHTT ngày 09/10/2010 của Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và CN

tấn, GTSX trên 1.000 tỷ đồng. Phát triển hệ thống tư thương thu mua, bảo quản, sơ chế; xúc tiến xây dựng nhà máy chế biến dầu, bơ, phụ gia thực phẩm.

- *Chè công nghiệp*: Tăng quy mô diện tích lên trên 1.500 ha vào năm 2020, sản lượng đạt trên 18.750 tấn chè búp tươi và giá trị xuất khẩu đạt trên 3 triệu USD/năm. Thay thế dần các diện tích chè giống cũ bằng giống mới có năng suất, chất lượng cao, áp dụng VietGAP trên diện rộng. Tiếp tục nâng cao chuỗi giá trị sản xuất chè, xuất khẩu sản phẩm vào các thị trường khó tính.

b) Chăn nuôi

Tiếp tục tổ chức lại sản xuất theo hướng linh hoạt về đối tượng nuôi, quy mô đàn theo nhu cầu thị trường. Phát triển bền vững các chuỗi liên kết chăn nuôi lợn, bò, hươu, gia cầm trang trại, gia trại quy mô lớn, kiểm soát chặt chẽ về bảo vệ môi trường; hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, tái cơ cấu sản xuất, phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội các dự án chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ gắn chặt với yêu cầu liên kết, bảo đảm môi trường, theo phương thức chăn nuôi tiên tiến, kết hợp với phát triển chăn nuôi hữu cơ, sinh thái, nuôi các đối tượng bản địa, đặc sản, đáp ứng đa dạng nhu cầu thị trường tiêu dùng. Phát huy hiệu quả hệ thống các cơ sở giết mổ tập trung gia súc, gia cầm, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả; quản lý chặt chẽ việc sử dụng thuốc thú y và các chất phụ gia, chất cấm trong chăn nuôi.

- *Lợn*: Tiếp tục phát triển tiến tới ổn định quy mô đàn, đến năm 2020 đạt khoảng 454.000 con, trong đó chăn nuôi gia trại, trang trại tập trung công nghiệp chiếm trên 55%; sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng bình quân 6,5%/năm, đạt trên 85.000 tấn. Phát triển đàn nái đạt 80.000 con, trong đó đàn nái ngoại 27.000 con (chiếm trên 34% tổng đàn nái), phát huy hiệu quả các cơ sở nái ngoại quy mô lớn (300 con trở lên), đảm bảo chủ động nguồn giống chất lượng cao cho sản xuất.

Phát triển chuỗi liên kết chăn nuôi lợn quy mô vừa và lớn, ở những vùng có điều kiện đất đai, kiểm soát chặt chẽ môi trường; khuyến khích hình thức nuôi trang trại, gia trại khép kín từ “sản xuất con giống—nuôi-lợn thương phẩm— tiêu thụ” linh hoạt theo tín hiệu thị trường; tổ chức lại chăn nuôi nông hộ theo hướng liên kết chặt chẽ và giảm nuôi ở các vùng có mật độ chăn nuôi cao.

- *Bò*: Đến năm 2020, tổng đàn đạt 222.500 con, trong đó bò lai Zêbu, bò chất lượng cao chiếm 60% tổng đàn; sản lượng thịt hơi đạt trên 13.500 tấn. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình Zêbu hóa đàn bò, sử dụng tinh bò chất lượng cao (chuyên thịt), gắn với phát triển nuôi thâm canh để nâng cao tầm vóc, năng suất đàn bò.

- *Hươu*: Tăng quy mô tổng đàn đạt trên 40.000 con vào năm 2020, sản lượng nhung khoảng 16,5 tấn/năm. Phát triển đàn hươu nuôi thâm canh trong nông hộ, gia trại (quy mô 10 con/hộ trở lên); tăng cường bình tuyển, chọn lọc, nâng cao chất lượng đàn hươu giống tại các địa phương nuôi hươu truyền thống của huyện Hương Sơn, tiếp tục hoàn thành đầu tư và phát huy hiệu quả Trung tâm giống hươu; thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển liên kết chăn nuôi hươu theo hướng bán thâm canh, nuôi ứng dụng công nghệ cao, gắn với xây dựng nhà máy

chế biến sâu các sản phẩm từ hươu (nhung hươu, thực phẩm chức năng), theo chuỗi giá trị khép kín.

- *Gia cầm*: Duy trì quy mô đàn trên 8,9 triệu con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 18.100 tấn, sản lượng trứng 278 triệu quả. Phát triển, nhân rộng các mô hình chăn nuôi gà vườn đồi, vùng đất cát ven biển với việc sử dụng các giống gia cầm bản địa, chăn nuôi VietGAHP, chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học, đảm bảo dịch bệnh.

c) Lâm nghiệp

Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết 04/NQ-TU của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Chú trọng quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng, rừng tự nhiên hiện có, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển. Phát triển các mô hình nông-lâm kết hợp, gắn với khai thác rừng bền vững, du lịch sinh thái. Tập trung phát triển hình thành các vùng liên-kết trồng-rừng-nguyên-liệu, tiêu-thụ sản-phẩm gắn với Nhà máy chế biến gỗ (MDF, HDF) tại Vũ Quang; đẩy nhanh kế hoạch đầu tư đưa vào hoạt động Nhà máy gỗ MDF, OSP, OKAL thứ 2 tại Khu Kinh tế Vũng Áng của Công ty Thanh Thành Đạt; ngừng việc cấp mới và không tiếp tục cho gia hạn hoạt động đối với các nhà máy, doanh nghiệp chế biến gỗ dăm, gỗ băm dăm sau khi hết hạn giấy chứng nhận đầu tư theo quy định; nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh các sản phẩm gỗ chế biến xuất khẩu, góp phần phát huy lợi thế kinh tế từ rừng và đất lâm nghiệp, nâng cao đời sống người dân sống gần rừng, góp phần quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

- *Gỗ và các sản phẩm từ gỗ*: Đầu tư, khai thác và sử dụng có hiệu quả diện tích rừng, đất rừng sản xuất hiện có. Tập trung phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng phục vụ chế biến theo quy hoạch (khoảng 30.500 ha). Thực hiện các biện pháp trồng rừng thâm canh, tăng năng suất và giá trị và cấp chứng chỉ rừng bền vững FSC đạt trên 15.000 ha. Tăng sản lượng gỗ rừng trồng lên đạt khoảng 650.000 m³/năm; giá trị sản xuất, chế biến lâm sản đạt trên 4.000 tỷ đồng/năm; giá trị xuất khẩu đạt khoảng 70 triệu USD/năm.

Khuyến khích, hỗ trợ trồng cây bản địa, cây đa mục đích và phát triển lâm sản ngoài gỗ; phát triển vùng nguyên liệu, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Chuyển đổi một số diện tích rừng và đất lâm nghiệp quy hoạch sản xuất theo lộ trình (khoảng 2.000-5.000 ha), phù hợp với thực tiễn và đúng quy định để phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực. Đảm bảo phải kiểm soát chặt chẽ quy trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, quy trình sản xuất trên đất dốc, phải có giải pháp chống xói mòn, rửa trôi, chống sạt lở đất, bảo vệ môi trường bền vững.

- *Cao su*: Ổn định quy mô diện tích 10.300 ha cao su đúng theo quy hoạch; chỉ phát triển cây cao su ở vùng ít bị ảnh hưởng của gió bão (*Hương Khê, Hương Sơn, Vũ Quang, Đức Thọ...*). Tiếp tục rà soát quy hoạch, chuyển diện tích trong quy hoạch cao su không thực hiện được sang phát triển trang trại nông - lâm nghiệp, trồng rừng nguyên liệu và các sản phẩm có giá trị khác.

- *Dó trầm*: Khuyến khích đầu tư trồng thâm canh diện tích cây Dó bầu hiện có tại một số xã của huyện Hương Khê (*Phúc Trạch, Hương Trạch, Hương Trà, Phú Gia*) và một số địa phương khác, theo quy mô vườn hộ, trang trại phù hợp. Tiếp tục phối hợp với Hội Trầm hương Hàn Quốc, Hội Trầm hương Việt Nam lựa chọn các đối tác hợp tác đầu tư lâu dài, bền vững trong lĩnh vực gây trồng, tạo trầm, chế tác các sản phẩm từ cây Dó bầu; xây dựng vùng nguyên liệu trầm hương sạch chất lượng cao tại xã Phúc Trạch.

- *Cây dược liệu dưới tán rừng và lâm sản ngoài gỗ*: Bảo tồn và phát triển, mở rộng diện tích gây trồng những loài lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao. Hình thành và phát triển các vùng cây dược liệu (*Sa nhân, Ba kích, Trám, Xạ hương,...*), với quy mô khoảng 1.900 ha, trồng dưới tán rừng tự nhiên, vườn rừng. Gắn giữa việc phát triển lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu với bảo vệ rừng tự nhiên.

d) Thủy sản

Tiếp tục phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, công nghệ cao, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi, liên kết theo chuỗi giá trị; chấn chỉnh quản lý quy hoạch các vùng nuôi, nhất là tôm trên cát, đảm bảo môi trường, an toàn dịch bệnh, phát triển bền vững.

Tiếp tục đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư hiện đại hóa cơ sở hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, khu dịch vụ hậu cần và trang thiết bị chế biến, bảo quản trên tàu nhằm nâng cao hiệu quả khai thác. Tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác – cung ứng dịch vụ hậu cần và thu mua trên biển – chế biến thủy sản; gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi, thực hiện các giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp; tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm soát các hoạt động khai thác thủy sản.

- *Tôm*: Đến năm 2020, diện tích nuôi tôm đạt 2.400 ha, trong đó nuôi thâm canh, công nghệ cao đạt 1.000 ha; năng suất bình quân đạt trên 2 tấn/ha; sản lượng tôm thu hoạch đạt trên 5.000 tấn; tăng giá trị sản phẩm lên trên 1.500 tỷ đồng/năm. Tiếp tục phát triển nuôi tôm thâm canh, công nghiệp, nuôi tôm trên cát ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường-sinh thái. Áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, nuôi trồng có chứng nhận. Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển liên kết, từng bước hình thành chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- *Hải sản đánh bắt có giá trị*: Đến năm 2020, sản lượng khai thác đạt trên 37.000 tấn, giá trị sản xuất 1.500 tỷ đồng. Tiếp tục phát triển đội tàu khai thác xa bờ, gắn với chuyển đổi mạnh cơ cấu nghề, nâng cao hiệu quả khai thác; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác vùng lộng, ven bờ.

- *Nhuễn thể, các sản phẩm có tiềm năng khác*: Mở rộng diện tích nuôi nhuyễn thể hàng hóa tập trung tại những vùng sinh thái thích hợp, với các đối tượng nuôi chủ lực (như nghêu, hào, sò, ốc hương...); chú trọng từ khâu giống, phòng chống dịch bệnh, xây dựng các vùng nuôi an toàn, đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa, hướng tới xuất khẩu.

1.2. Phát triển mạnh công nghiệp bảo quản, chế biến và làng nghề nông thôn

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống với quy mô, cơ cấu sản phẩm hợp lý, tăng trình độ công nghệ, đủ sức cạnh tranh và đảm bảo môi trường; du nhập thêm các nghề mới có hiệu quả; chú trọng phát triển theo mô hình liên kết sản xuất, nhất là chuỗi chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ ở nông thôn (giống, vật tư, tín dụng, tư vấn sản xuất - kinh doanh, xuất khẩu)... gắn với đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm, thu hút lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- Triển khai có hiệu quả Đề án “Mỗi xã một sản phẩm – OCOP” giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030; gắn bảo tồn, phát triển các làng nghề, ngành nghề truyền thống, kết hợp dịch vụ nông thôn.

- Tiếp tục khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp chế biến sâu, chế biến công nghệ cao và phát triển công nghiệp-phụ trợ. Tập trung nâng cao giá trị các sản phẩm truyền thống hiện có của tỉnh như chè, chế biến thủy sản, chế biến gỗ, đồ mộc mỹ nghệ, nông sản,...; ưu tiên đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, chất lượng cao. Hỗ trợ phát triển một số sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp mới, nhất là các sản phẩm được chế biến từ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh như rượu, chè, thực phẩm chức năng, thức ăn gia súc, gạo chất lượng cao...

1.3. Thủy lợi và phòng chống thiên tai

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi; nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng nội đồng và củng cố các tổ chức quản lý thủy nông cơ sở. Đổi mới hình thức và cơ chế quản lý dịch vụ thủy lợi. Phát triển thủy lợi đa mục tiêu để phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và công nghiệp; ưu tiên đầu tư thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung và tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực. Phân đầu đến năm 2020, khoảng trên 20% diện tích cây ăn quả, chè công nghiệp được cấp nước ổn định, ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước.

Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai; chủ động ứng phó, quản lý rủi ro thiên tai bằng áp dụng các công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo; đẩy mạnh các biện pháp phi công trình kết hợp với nâng cao năng lực phòng chống của cộng đồng. Đến năm 2020, đảm bảo tiêu thoát lũ cho các vùng đồng bằng, vùng thấp trũng phục vụ phát triển nông nghiệp, dân sinh.

2. Cơ cấu lại nông nghiệp theo vùng

Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của mỗi vùng và từng địa phương, vùng sinh thái, vùng tiểu khí hậu; tổ chức liên kết chặt chẽ, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư để hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, hiện đại, công nghệ cao, đặc biệt là ở những vùng còn dư địa tăng trưởng lớn dọc ven biển và vùng đồi, rừng:

a) *Vùng trung du, miền núi* (các huyện Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê; các xã vùng trà sơn của huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ): Tập trung quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng, bảo

vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn; phát triển mạnh rừng sản xuất và các lâm sản phi gỗ, do trầm, dược liệu, xây dựng vùng gỗ nguyên liệu quy mô lớn của tỉnh; khai thác hiệu quả tiềm năng hệ sinh thái, cảnh quan môi trường rừng gắn với các di tích lịch sử, tâm linh để phát triển rừng gắn với các loại hình du lịch.

Rà soát quỹ đất sản xuất (cả đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp và các loại đất khác), ưu tiên tổ chức sản xuất theo hướng: Phát triển các trang trại nông lâm kết hợp, trang trại cây ăn quả (cam chất lượng cao, bưởi Phúc Trạch); trang trại, gia trại chăn nuôi lợn, bò (Zebu, bò sữa, bò thịt chất lượng cao), hươu, gà đồi, các loại vật nuôi đặc sản, bản địa; chuyển đổi một số diện tích quy hoạch trồng rừng nguyên liệu, cao su, lạc, lúa... có hiệu quả thấp sang phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả, cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, cây dược liệu...

Phát triển nuôi trồng thủy sản ở các hồ thủy lợi và trên các vùng nước ven sông, suối, gắn với bảo tồn, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản. Khai thác phát huy hiệu quả các công trình thủy lợi lớn (Kê Gỗ, Ngàn Trươi, Sông Trí,...), gắn với phát triển các hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ, các phương pháp tưới tiết kiệm nước, phù hợp địa hình, điều kiện của từng vùng sản xuất; thực hiện các giải pháp hiệu quả công tác dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai

b) Vùng đồng bằng (các huyện Đức Thọ, Can Lộc; các xã đồng bằng của huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Kỳ Anh; khu vực nông thôn của thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh): Chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ để né tránh thiên tai, phát triển sản xuất theo hướng thâm canh cao, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa trong sản xuất; mở rộng diện tích lúa đặc sản, lúa chất lượng cao; phát triển rau, hoa, nấm, cây cảnh, cây ăn quả chuyên canh, công nghệ cao, ứng dụng quy trình thực hành tốt; phát triển chăn nuôi công nghệ cao theo chuỗi giá trị, hình thành các vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, kiểm soát chặt chẽ môi trường, nhất là tại các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn, vùng chăn nuôi có mật độ cao. Tiếp tục thực hiện các giải pháp chống ngập cho các địa phương trong vùng, giảm lũ cho hạ du.

c) Vùng ven biển (các xã ven biển của huyện Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh): Bảo vệ và củng cố các khu rừng phòng hộ chắn sóng ven biển, phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn. Rà soát lại dải đất cát, mặt nước khu vực cửa sông, ven biển, tập trung cho phát triển nuôi trồng thâm canh, công nghệ cao, an toàn sinh học các loại thủy, hải sản có giá trị kinh tế cao (tôm, cá, nhuyễn thể, các loài thủy đặc sản phục vụ du lịch, xuất khẩu và tiêu dùng tại chỗ), sản xuất rau, củ, quả công nghệ cao; điều chỉnh lại các đai rừng sản xuất, khu dân cư, cụm tiêu thụ công nghiệp, khai thác khoáng sản, dịch vụ, du lịch sinh thái cộng đồng ven biển.

Củng cố, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển; tăng cường năng lực phòng chống thiên tai, nhất là chủ động ứng phó với bão mạnh, siêu bão. Tiếp tục phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ; hoàn thiện các cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế (cả trên bờ, cửa biển và trên biển), tạo đột phá về phát triển kinh tế biển, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

3. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn kết chặt chẽ với xây dựng nông thôn mới

Tập trung chỉ đạo thực hiện đưa Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh đi vào chiều sâu, bền vững, nâng cao mức độ, chất lượng của tất cả các tiêu chí; xây dựng thành công nông thôn mới kiểu mẫu; phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, hình thành các giá trị, ý thức văn hóa mới, văn minh trong cộng đồng nông thôn; ưu tiên mục tiêu “xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu” tiến tới xây dựng xã NTM kiểu mẫu, huyện nông thôn mới và tỉnh nông thôn mới có chiều sâu, bền vững.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. **Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về tính tất yếu và tầm quan trọng của thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp đến các cấp, ngành, địa phương và người dân về xây dựng nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa, thông minh, hiện đại, có sức cạnh tranh quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, ngành, địa phương, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương này.**

2. **Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đổi mới chính sách đất đai theo hướng tăng quy mô diện tích trên hộ, tạo điều kiện cho tích tụ, tập trung đất đai, mở rộng hạn điền. Điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ hơn nữa cơ cấu lại nông nghiệp; giảm chính sách hỗ trợ trực tiếp, chuyển hướng ưu tiên các cơ chế, chính sách tạo môi trường, động lực, nhất là về kích hoạt tín dụng, về đất đai, hỗ trợ phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm đầu ra thông qua thực hiện Chương trình OCOP,... để thu hút doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, tập trung vào các mô hình kinh doanh mới, định hướng sản xuất và xây dựng thương hiệu sản phẩm; phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, bền vững.**

3. **Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, trong đó doanh nghiệp, hợp tác xã là động lực phát triển, nông dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng phục vụ để tăng thu nhập. Khuyến khích và tạo thuận lợi phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, hình thành các mô hình hợp tác, liên kết chặt chẽ, bình đẳng tin cậy giữa nông dân và doanh nghiệp; cụ thể hóa, triển khai có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ. Đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển trang trại theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức nông dân sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ trong nước, toàn cầu.**

Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tạo nguồn nhân lực phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, theo hướng: Đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ lao động đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp về ứng dụng khoa học công nghệ, kiến thức quản lý, khởi sự,... Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghiệp ở khu vực nông

thôn, nhằm tạo nhiều việc làm mới, góp phần chuyển dịch kinh tế, cơ cấu lao động nông nghiệp; đào tạo nghề mới để chuyển đổi nghề ngay trong nội ngành, chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn.

5. Tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực, “khoa học công nghệ phải đi trước một bước” để tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tiếp tục chuyển giao, ứng dụng nhanh thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông dân, nông thôn, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác giống, quy trình sản xuất, công nghiệp bảo quản, chế biến tinh sâu, nhằm cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng các sản phẩm nông sản của tỉnh trên thị trường.

6. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại nông lâm thủy sản, đảm bảo kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ, ứng dụng thương mại điện tử, nâng cao khả năng kết nối sản xuất - thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp, người sản xuất nắm bắt thông tin, dự báo, điều chỉnh phương án sản xuất gắn với thị trường; xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng mẫu mã hàng hóa, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm; bình chọn, tôn vinh các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nông thôn chủ lực, tiêu biểu, gắn với phát triển sản phẩm OCOP; tham gia giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các hội chợ trong nước và quốc tế. Thành lập các hiệp hội ngành hàng để hỗ trợ, hợp tác cùng phát triển, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong sản xuất - kinh doanh.

7. Tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội, thúc đẩy hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư để phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn ngày càng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hội nhập quốc tế; tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới.

8. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Tập trung chỉ đạo cải cách hành chính, tháo gỡ các rào cản trong thủ tục đầu tư, đất đai, thể chế, cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý chất lượng giống, vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm việc chất cấm trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; quản lý, kiểm soát chặt chẽ giết mổ gia súc gia cầm; quản lý, bảo vệ rừng tại gốc. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất tập trung, làng nghề, chế biến.

9. Tập trung thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý của Ngành từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII), đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ về cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và địa phương chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc địa phương thực hiện; tổng

hợp, đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tỉnh và các địa phương xây dựng chương trình điều tra, triển khai Bộ Tiêu chí giám sát, đánh giá cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các sở, ban, ngành: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện triển khai kịp thời, có hiệu quả các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý:

- Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương tham mưu rà soát, tổng hợp; xây dựng và trình HĐND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách và cân đối, ưu tiên bố trí nguồn ngân sách thực hiện chính sách.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, tham mưu Kế hoạch triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp tham mưu các giải pháp, cơ chế, chính sách phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và bảo vệ, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Sở Công Thương: Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, dự báo, định hướng thị trường, xây dựng thương hiệu các sản phẩm; phát triển công nghiệp chế biến nông sản, gắn với thực hiện Đề án phát triển công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, hỗ trợ cho các doanh nghiệp nông nghiệp xuất khẩu.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Quản lý, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; tham mưu cơ chế tích tụ, tập trung ruộng đất, phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn và quản lý, sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp; thực hiện tốt quản lý nhà nước về môi trường trong nông nghiệp, nông thôn.

- Sở Lao động - TBXH: Thực hiện tốt các chương trình đào tạo nghề, việc làm; nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tham mưu các giải pháp, chính sách về chuyển đổi nghề, tạo việc làm khu vực nông thôn.

- Cục Thống kê tỉnh phối hợp triển khai Bộ Tiêu chí giám sát, đánh giá cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh chỉ đạo triển khai có hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã: Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nông nghiệp trên địa bàn. Chủ động ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả cơ cấu lại nông nghiệp.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tin truyền thông tiếp tục thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân thực hiện tốt Kế hoạch./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *ngocson*



ngocson

Đặng Ngọc Sơn